

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 5 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Quốc Kiểng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 12, xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tuấn V chung sống với nhau từ năm 2009, từ khi chung sống đến nay hai người không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian gần đây giữa bà và ông V xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi, chung sống không có hạnh phúc nên hai người đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có hai con là cháu Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 18/10/2010 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/11/2015. Hiện tại bà đang nuôi dưỡng cháu Đ và cháu B. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và cháu B, bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung là không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Tuấn V trình bày:*

Ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị T về mối quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tài sản chung giữa hai người.

Nay ông thống nhất ly hôn với bà T, do hai người không thể hàn gắn chung sống lại được nữa. Về con chung ông đồng ý để cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và cháu

B, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung là không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn Tuấn V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông V.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tuấn V xác định hai người chung sống với nhau từ năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thời gian gần đây hai người xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi, chung sống không có hạnh phúc nên hai người đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn và ông V cũng đồng ý ly hôn. Theo giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi hai bên cư trú xác định kể từ khi chung sống đến nay giữa bà T và ông V không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà T và ông V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, kể từ khi chung sống đến nay tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng hai người không đăng ký kết hôn theo quy định, quan hệ hôn nhân của hai người chưa tuân thủ quy định về đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Từ quy định trên, không công nhận quan hệ giữa bà T và ông V là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà T và ông V có hai con là cháu Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 18/10/2010 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/11/2015. Cháu Đ và cháu B hiện tại chưa thành niên, bà T đang nuôi dưỡng hai cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của hai cháu đã ổn định, đồng thời hai cháu cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ là bà T khi cha mẹ của hai cháu ly hôn. Do đó, giao cháu Đ và cháu B cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Đ và cháu B mà không ai được cản trở. Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông V không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 06/5/2025, bà T nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007103 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí. Ông V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tuấn V là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 18/10/2010 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/11/2015 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tuấn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Ngọc Đ và cháu Nguyễn Gia B mà không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 06/5/2025, bà Nguyễn Thị T nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007103 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tuấn V vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

Bùi Văn Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Việt

